

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 335/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989. Địa chỉ: 04/24 PH, phường TT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1993. Địa chỉ: 8/4 kiệt 314 BTX, phường PD, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim T sau thời gian tìm hiểu, đến ngày 11/10/2019 đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 4/24 PH, phường TT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hạnh phúc được khoảng 6-7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, có nhiều bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim T cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung đăng ký khai sinh họ và tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 12/10/2020. Hiện nay cháu Bảo A đang sống cùng với bà T. Nay hai bên thỏa thuận giao cháu Bảo A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Thị Kim T cùng thỏa thuận ông T không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T và bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002630 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông T và bà T đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 12/10/2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Thị Kim

T cùng thỏa thuận ông T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T và bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002630 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông T và bà T đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường TT, thành phố H;
- (Ông T và bà T ĐKKH số 70/2019, ngày 11/10/2019);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung